

khuyến khích việc giúp đỡ bằng tiền và rất hạn chế việc tổ chức các đoàn trực tiếp đến các địa phương thăm hỏi để tránh tốn kém, lãng phí.

Điều 7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố miền Trung và các Bộ, ngành có liên quan cần nghiên cứu, khảo sát, đánh giá, rút kinh nghiệm đợt bão lụt này để có giải pháp cụ thể trong vấn đề quy hoạch dân cư, xây dựng nhà ở, trường học, trạm xá và các công trình cơ sở hạ tầng như giao thông, thủy lợi cho phù hợp với đặc điểm địa hình và bão lụt trong khu vực, nhằm hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất do bão, lụt gây ra.

Điều 8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các Bộ, ngành tiến hành bình xét các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống và khắc phục hậu quả các cơn bão, lụt vừa qua để biểu dương, khen thưởng kịp thời.

Điều 9. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 237/1998/QĐ-TTg ngày 03/12/1998 phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2737-TT/BNN.CBNLS ngày 14 tháng 7 năm 1998;

Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 6412-BKH/VPTĐ ngày 17 tháng 9 năm 1998 và ý kiến các Bộ, ngành liên quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu Chương trình:

a) Đến năm 2000: nâng tỷ lệ người được sử dụng nước sạch lên khoảng 45%, cải thiện vệ sinh môi trường, ưu tiên vùng biên giới, hải đảo, dân tộc ít người và các vùng nông thôn khó khăn khác.

b) Đến năm 2005: khoảng 80% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch; 50% hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh; xử lý chất thải ở 30% chuồng trại chăn nuôi và 10% số làng nghề.

c) Góp phần chống cạn kiệt, chống ô nhiễm và bảo vệ chất lượng nguồn nước.

2. Cơ quan chủ trì thực hiện chương trình: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 1998 đến năm 2005.

4. Vốn đầu tư và nguồn vốn:

a) Tổng kinh phí dự kiến: 16.339 tỷ VNĐ.

Đây là số định hướng. Căn cứ khả năng ngân sách của Nhà nước, hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần xây dựng các dự án cụ thể, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

b) Cơ cấu vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách (bao gồm cả vốn ODA).

- Các nguồn vốn khác: vốn huy động trong dân, vốn của các thành phần kinh tế khác, vốn từ lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia khác trên địa bàn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ vào ý kiến của Hội đồng Thẩm định và các Bộ, ngành liên quan, chỉ đạo hoàn chỉnh nội dung chương trình và xây dựng các dự án thành phần của chương trình theo đúng quy định, nhằm bảo đảm tính khả thi của chương trình về các mặt mục tiêu, đối tượng, nội dung, giải pháp.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì cùng với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan, xác định thứ tự ưu tiên thực hiện các dự án cụ thể và trình duyệt theo các quy định hiện hành; xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp lồng ghép với các Chương trình quốc gia khác để bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực tại địa phương.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì cùng Ban chỉ đạo Quốc gia về Cung cấp nước sạch và Vệ sinh môi trường, các Bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng cơ chế và các giải pháp để thực hiện xã hội hóa việc cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính căn cứ vào khả năng ngân sách nhà nước hàng năm để cân đối vốn ngân sách cho thực hiện chương trình, triển khai các dự án đã được phê duyệt, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trong kế hoạch ngân sách hàng năm giao cho Chương trình.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các Bộ, ngành có dự án cần chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan trong việc triển khai thực hiện các dự án của Chương trình và lồng ghép với các Chương trình mục tiêu Quốc gia khác, nhằm thực hiện Chương trình này có hiệu quả.

Điều 3. Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được quản lý theo Quyết định số 531/TTg ngày 08 tháng 8

năm 1996, Quyết định số 05/1998/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành liên quan.

Điều 4. Các Bộ trưởng: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Trưởng Ban Chỉ đạo Quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường và Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 238/1998/QĐ-TTg ngày 03/12/1998
về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và tổ chức bộ máy của Ban chỉ đạo
quy hoạch và xây dựng thành phố
Hồ Chí Minh.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để thực hiện điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 123/1998/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,